

TẢN MẠN QUANH CÁC DI TÍCH

THỜI MẠC

ở huyện Kiến Thụy, Thành phố Hải Phòng

NGUYỄN PHƯƠNG*

Trong lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam, vào thế kỷ XVI, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng ngày nay được sử sách nước ta nhắc đến như một chốn địa linh, vì đây là nơi phát tích của vương triều Mạc mà, người đầu tiên dựng lên đế nghiệp là Mạc Đăng Dung. Đồng thời, nơi đây còn được nhắc đến với tư cách là trung tâm của Dương Kinh. Những dấu tích một thời phản ánh sự hiện diện của vương triều Mạc trên vùng đất này hiện nay vẫn còn rất rõ. Đạo quanh các di tích trên quê hương nhà Mạc, chúng ta sẽ bắt gặp những di sản văn hóa mang dấu ấn đương thời, là cơ sở để góp phần khẳng định về một nền nghệ thuật tạo hình dân tộc phát triển rực rỡ, phong phú, đa dạng vào thế kỷ XVI. Đó là nghệ thuật thời Mạc.

Sự xuất hiện của vương triều Mạc trên chính trường Đại Việt thời trung đại, như nhiều nhà nghiên cứu đã nhận định: Đây mâu thuẫn nhưng có nhiều thành tựu về văn hóa xã hội. Về nội bộ trong nước, đó là nội chiến Lê Mạc. Về hệ tư tưởng, Nho học đã lạc hậu nhưng vẫn được vương triều này coi trọng như rường cột. Đạo Phật không còn được đề cao, cũng không phát triển mạnh lên

mà trở lại như một cứu cánh thuần túy về tinh thần. Về kinh tế, đó là sự tan vỡ hoàn toàn của điền trang thái ấp, là sự phá sản của chính sách quân điền dẫn đến mâu thuẫn mới giữa nông dân và địa chủ. Nhưng đây lại là thời kỳ mở mang bờ cõi, phát triển thủ công nghiệp, thương mại, phường hội. Sự suy yếu của vương quyền, lại thay lại là mảnh đất tốt thích hợp cho sự phát triển một nền văn hóa rực rỡ kéo dài hơn 200 năm (thế kỷ XVI - XVII) mà đến nay, những dấu ấn của những thành tựu đó vẫn còn vang vọng.

Khi đến thăm những đình, đền, chùa, miếu trên địa bàn huyện Kiến Thụy, nơi vẫn còn lưu giữ khá nhiều dấu ấn về văn hóa nghệ thuật thời Mạc, một trong những cảm nhận đầu tiên khi nghiên cứu các di vật sẽ dẫn đến một nhận định, phần lớn các di tích ở đây đều có sự quan tâm của tầng lớp trên là các ông hoàng, bà chúa, quận công, đô đốc v.v... thường có quy mô lớn. Đọc tấm bia đá "Đại Linh tự bi ký" tại chùa Đại Trà, xã Đông Phương, tạo vào niên hiệu Hồng Định thứ 10 (1610), đời vua Lê Kính Tông đã mô tả chùa này dưới triều Mạc gồm 50 gian nhà gỗ lim bố cục liên hoàn. Nhà bia 5 gian to lớn chứa đủ sáu chục tấm bia đá lớn nhỏ. Ruộng chùa trên 30 mẫu. Các ngôi chùa khác như chùa Hòa Liễu, chùa Nhân Trai, chùa Trà

Phương ở huyện Kiến Thụy cùng các chùa Minh Thị ở huyện Tiên Lãng, chùa Đồng Quan huyện Vĩnh Bảo đều do bà Hoàng Thái Hậu Vũ Thị Ngọc Toàn đứng chủ hưng công. Bia "Bảo Quang tự chung bi ký" tạo năm 1575 khắc bài minh do Đông các Đại Học sỹ Đỗ Uông soạn, ghi: "Chùa Đồng Quan khởi công năm Sùng Khang thứ 7 (1572), đời vua Mạc Mậu Hợp, dựng một tòa thượng điện, 3 gian tiền đường, 3 gian thiêu hương, 7 gian hậu đường. Năm Sùng Khang thứ 10 (1575) xây gác chuông, cảnh chùa mới như cảnh Bồ Đề Lai, tiếng chuông vang như từ trời Đâu Suất"...

Về kiến trúc thời Mạc, nhiều nhà nghiên cứu đã cho rằng: Nghệ thuật tạo hình thời Mạc là sự xuất hiện của những đình chùa và hệ thống chạm khắc trên kiến trúc đã đem lại

sắc thái mới cho nền kiến trúc điêu khắc cổ Việt Nam. Đó là bước chuyển từ trang trí chạm khắc trên mặt phẳng đến trang trí chạm khắc sâu nhiều lớp, dẫn đến một hệ thống phù điêu đình làng dày đặc đã phát triển đến đỉnh cao, tạo nên một nét duyên dáng, có đóng góp lớn cho nền nghệ thuật chạm khắc Việt Nam. Các phù điêu trang trí là một trong những khuynh hướng sáng tác rất cơ bản ở thời kỳ này, bao gồm các hoạt cảnh như gánh con, tắm, đấu vật, đi săn, uống rượu, tấu nhạc được mô tả một cách rất sinh động, như đã từng gặp trong những câu ca dao, hay những mẩu chuyện văn thường được dân gian truyền tụng. Nhìn chung, chúng được thể hiện dày đặc trên các mảng cổn trang trí hay ở bất cứ chỗ nào có thể. Đây là một thành tựu rất đáng quý trong điêu khắc trang trí kiến trúc thời Mạc.

Tiếc thay, kể từ năm 1592, khi vị vua thứ 5 của vương triều Mạc là Mạc Mậu Hợp (1562 - 1592) bị thất thủ ở Thăng Long, tập đoàn Lê - Trịnh do Bình An Vương Trịnh Tùng chỉ huy đã tràn xuống Dương Kinh và chỉ trong một thời gian ngắn, toàn bộ cung điện, lăng tẩm, thành quách của nhà Mạc đã bị phá hủy. Sử cũ đã từng có những ghi chép về cảnh Dương Kinh của nhà Mạc lửa cháy ngút trời kéo dài hàng tháng liền. Điều đó cũng đồng nghĩa với việc chúng ta không thể bắt gặp những công trình kiến trúc đầy đủ được khởi dựng cũng như mang phong cách nghệ thuật Mạc còn tồn tại đến nay trên địa bàn huyện Kiến Thụy. Tuy nhiên, ngọn lửa hận thù của nhà Lê - Trịnh không



Tượng hậu chùa Miêu Nha - Hải Phòng - Ảnh: Quốc Vụ

thể thiêu đốt hết những dấu ấn vật chất phản ánh nền văn hóa được tạo dựng từ vương triều Mạc, mà đây đó những tác phẩm nghệ thuật mang hơi thở cuộc sống được làm từ chất liệu đá vôi vẫn còn tồn tại khá nhiều trên địa bàn huyện Kiến Thụy: chùa Bảo Phúc có bia đá niên đại 1654 và một tượng ngựa; chùa Thiên Phúc có tượng vua Mạc Đăng Dung, bà chúa Mạc mang niên đại 1551, tượng sư, bia vào năm 1562 và nhiều hiện vật đá, bệ tượng Phật; chùa Hòa Liễu có bia dựng năm 1562, cùng 8 tượng đá; chùa Kiến Linh có bia dựng năm 1567 và tượng "sấu"; chùa Thọ Ninh có bia dựng năm 1562, 1565; chùa Đại Linh còn một pho tượng vua và một tượng Quan Âm tọa sơn; chùa Bạch Đa còn một pho tượng vua làm năm 1580; chùa Phúc Linh (Nhân Trai) còn 6 thành bạc chạm rồng, một pho tượng ông Mạc Đôn Nhượng; chùa Hoa Tân còn bia dựng năm 1582, tượng vua làm năm 1578 và tượng sư. Ngoài ra các chùa ở vùng phụ cận khu vực Dương Kinh cũng còn được bảo lưu được một số lượng lớn các di vật thời Mạc như, chùa Minh Thị (Tiên Lãng) còn bia dựng năm 1572 và 3 pho Tam thế, chùa Hoàng Động (Thủy Nguyên) còn một tượng vua, chùa Lai Thị huyện An Lão còn 6 tượng Phật...

Trong chuyến khảo sát nghiên cứu tại các di tích ở huyện Kiến Thụy gần đây, chúng tôi thấy rằng: Sự xuất hiện ở ạt của các dạng tượng thời Mạc đã chứa đựng trong đó không chỉ riêng vấn đề mỹ thuật, mà còn đánh dấu một sự thay đổi nào đó trên bình diện xã hội nữa. Tất cả như bùng tỉnh sau một thời gian dài bị kìm hãm, nó chứa đựng sức sống trong sáng, nhân hậu mà không xa cách. Tượng thời Mạc đã phản ánh rõ tài năng sáng tạo của những người thợ thủ công, những nghệ sĩ dân gian trong việc phản ánh hiện thực xã hội của thế kỷ XVI, một đỉnh cao của nghệ thuật tạo hình, nhằm truyền tải một vẻ đẹp tâm linh ẩn chứa trong tâm thức con người. Đồng thời, cũng cần phải nhấn mạnh rằng, nghệ thuật thời Mạc không chỉ tồn tại đúng với nghĩa của nghệ thuật thời Mạc trong phạm vi thế kỷ XVI mà nó còn được chuyển tải sang đầu thế kỷ XVII, để có một nền nghệ thuật mang phong cách Mạc.

Một trong những ngôi chùa ở Kiến Thụy

Nguyễn Phương: *Tản mạn quanh các di tích thời Mạc...*

hiện còn lưu giữ khá nhiều di vật thời Mạc và phong cách Mạc là chùa Nhân Trai. Chùa này hiện còn lưu giữ được 6 bậc thành chạm rồng mây, tượng thân vương Mạc Đôn Nhượng, đài sen bằng gỗ, bia đá v.v...

Tượng thân vương Mạc Đôn Nhượng được tạc trong tư thế ngồi trên long ngai, đầu đội mũ bình thiên vương, mang ý thức dân tộc. Đầu tay ngai chạm hình đầu rồng, mặt rồng ngựa chầu vào tượng, cùng với các hạt khắc nổi tạc trên tay ngai, vạt áo là một trong những đặc điểm nổi bật, được phong cách điêu khắc Mạc đặc biệt chú ý thể hiện. Bốn pho tượng quan hầu đứng chầu trước tượng Mạc Đôn Nhượng, mới đầu, khá nhiều người nhầm tưởng đó cũng là những pho tượng thời Mạc, nhưng thực chất, lưng các tượng đó còn khá nhiều nét tạc phác, điều chưa hề thấy trong nghệ thuật Mạc, nên có thể tin được, các tượng (hầu) chỉ là sản phẩm về sau.

Về 6 thành bạc chạm khắc hình rồng, với hai bên tạc nổi hình rồng dạng vân hóa, dựng trước cửa chùa, đã mang phong cách dân gian hơn các thành bạc hình rồng ở Lam Kinh (Thanh Hóa). Qua hình tượng rồng ở các thành bạc chùa Nhân Trai đã cho thấy rõ hơn tư duy sáng tạo của người đương thời. Rồng được tạc lẫn trong mây và rồng vân hóa đã như tượng cho quan niệm về bầu trời. Hệ thống vân đao ở thân rồng đã có sự biến đổi (vào cuối thế kỷ XVI) góp phần khẳng định về sự ra đời của một hệ thống vân đao tay mướp ở thời Mạc, tạo cơ sở cho sự chuyển hóa thành đao mác vào đầu thế kỷ XVII và XVIII. Đao lớn nhất của rồng bao giờ cũng là đao mắt nhẹ bay ra sau. Những con rồng trên thành bạc này được làm khá kỹ lưỡng. Phần đầu, ngoài các chi tiết như sừng, mũi, mắt to, các chi tiết khác cũng rất được chú ý chau chuốt cẩn thận. Đồng thời đã bắt đầu nảy sinh lông đuôi (yếu tố được kế thừa từ thời Trần thông qua hình tượng rồng ở chùa Phổ Minh, Nam Định.)

Sự xuất hiện của các thành bạc chạm khắc hình rồng tại chùa Nhân Trai, ngoài giá trị phản ánh nghệ thuật mang ý nghĩa sáng tạo cao, còn hướng chúng ta đến một nhận định rằng, nơi đây, khởi thủy không phải là một ngôi chùa mà là một kiến trúc liên quan đến hành cung của vua hoặc của những

người quyền cao, chức trọng, rồi sau khi nhà Mạc bị thất thế, khu vực này mới được cải tạo thành chùa thờ Phật. Cùng với tượng thân vương Mạc Đôn Nhượng và tượng các quan hầu còn có bệ tượng Adidà, với cánh sen thời Mạc và pho tượng ở chính giữa trong bộ tượng Tam thế với ngực nở, bụng thon, áo ít nếp, đầu tượng có đường nét đao mác. Trước cửa chùa còn có tấm bia đá lớn "Phúc Linh tự bi" tạo năm Kỷ Mão (1639). Nội dung bia nói về việc Ứng vương Mạc Đôn Nhượng cùng các già lam hưng công lại chùa Phúc Linh, xứ Đồng Ấch, xã Nhân Trai. Nhưng sau khi nghiên cứu nội dung tấm bia cũng như quan sát kỹ lưỡng nghệ thuật tạo hình của pho tượng, chúng tôi ngờ rằng: Pho tượng trong chùa mà xưa nay các nhà nghiên cứu khi đọc bia vẫn luôn cho rằng đó là tượng Mạc Đôn Nhượng, nhưng với chiếc mũ bình thiên vương trên đầu tượng, loại mũ chỉ nhà vua mới có quyền được đội, thì có thể đây không phải là tượng ứng vương Mạc Đôn Nhượng mà là tượng của một vị vua Mạc nào đó. Mặt khác, tượng này gắn với một công trình kiến trúc hiện tồn khá nhiều thành bậc chạm khắc hình rồng mây có những đặc trưng thường thấy trong hệ thống cung điện, chúng tôi càng có cơ sở hơn khi khẳng định: Đây là nơi ở của một vị vua Mạc.

Tại chùa Trà Phương, di vật thời Mạc còn được bảo lưu cũng khá đặc sắc như, tượng vua Mạc; Thái Hoàng Thái Hậu Vũ Thị Ngọc Toàn, bệ tượng đài sen, và dáng vẻ của đôi quán tủy gỗ khiến chúng ta nghĩ đến một trụ vũ trụ. Trong đó, tượng vua Mạc Đăng Dung được tạc trong tư thế ngồi khoanh chân theo lối kết già. Đầu đội mũ trụ, phía trước khắc hình con chim quay đầu xuống (tượng trưng cho tầng trời). Tay kết ấn tam muội ôm lấy bụng có vẻ như tùy tiện, nhưng đã tạo nên vẻ đẹp đột ngột khó tìm thấy ở một dáng tượng tương tự của các nơi khác.

Chùa Đại Trà thuộc xã Đông Phương, tên chữ là Đại Linh tự. Theo như ghi chép của hệ thống bia ký hiện còn trong di tích, thì đây là một trong những ngôi chùa lớn của Dương Kinh, nhà Mạc, thế kỷ XVI. Các di vật bằng chất liệu đá, gỗ với các loại hình tượng, bia, bệ đài sen cũng còn được bảo tồn khá nhiều. Pho tượng Phật Quan Âm tọa sơn chất liệu

đá tại đây, được các nhà nghiên cứu đánh giá là một pho tượng có niên đại sớm nhất nước ta. Tượng có dáng lùn, gần như tượng ở chùa Trà Phương. Đề tài hoa lá khắc trên thành mũ cho thấy những cơ sở tạo nên tiền đề sau này cho hoa văn thời Lê Trung Hưng ở các thế kỷ tiếp theo. Bệ tượng mang hình núi có nhiều chi tiết đáng chú ý. Hoa văn cánh sen, hình người ở phía dưới như đại diện cho thế giới "chìm nổi"; một con cá sấu thoáng mang nét tượng trưng cho thế giới tà ám quỷ y Phật pháp. Trong sự phân chia các tầng thế giới, qua những hình tượng trang trí ở đây, vừa đại diện cho thế giới nước, vừa đại diện cho núi, nên hình tượng Quan Âm tọa sơn đã hòa cùng tượng Nam Hải để nói về nhiều yếu tố dân gian một cách rất sinh động.

Trong số các bia ký chùa Đại Linh, đáng chú nhất là tấm bia được dựng vào niên hiệu Hoàng Định thứ 12 (1612), đời vua Lê Kính Tông. Có thể xếp tấm bia này vào loại hình nghệ thuật mang phong cách Mạc. Phần trán bia với rồng phượng được trang trí như đại diện cho thế giới trên, với bốn mái uốn hình mũi lượn úp xuống.

Tản mạn quanh các di tích thời Mạc ở huyện Kiến Thụy, có thể thấy, với trên 70 năm tồn tại của mình, vương triều này đã để lại một kho tàng nghệ thuật khá độc đáo với nhiều loại hình phong phú, cung cấp nhiều thông tin về một nền văn hóa có nhiều nét riêng, để sau đó được kế thừa và phát triển ở những thời kỳ lịch sử tiếp theo. Nhà Mạc đã quan tâm xây dựng quê hương thành một chỗ dựa, nhằm góp phần củng cố thể lực của mình. Sự xuất hiện khá nhiều pho tượng Mạc (cũng như mang phong cách Mạc) và các đề tài trang trí tương quan đã nói lên tính chất dân gian trong cách thờ tự, cũng như quan niệm về nhân sinh quan, thế giới quan đương thời. Tất cả những dấu ấn của văn hóa nghệ thuật thời Mạc - sản phẩm được tạo dựng trong khoảng gần 70 năm trị vì của các vua Mạc, đã cho phép nhiều nhà nghiên cứu khẳng định: Di sản văn hóa vật thể thời Mạc có một dấu ấn tạo hình đặc biệt, đủ tư cách được xếp vào một giai đoạn mỹ thuật riêng biệt trong nền mỹ thuật Việt Nam./.